

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN X  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 23-02-2021  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Bá Khuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nga.
2. Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 546/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS, ngày 28 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Đỗ Kim N, sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp BT, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Phú Q, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp BT, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Đỗ Kim N trình bày:*

Chị và anh Phạm Phú Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 76, ngày 08-5-2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh Q không chăm lo cho cuộc sống gia đình, chỉ biết

ăn chơi không lao động thậm chí nghiện trò chơi điện tử (Game) dẫn đến nợ nần tiền bạc. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải và thông cảm bỏ qua cho nhau những mâu thuẫn nhưng không thành, trái lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến mức không thể khắc phục được. Do đó, từ tháng 10 năm 2020 chị N đã dẫn theo hai con chung về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống, vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan hệ gì với nhau về mọi mặt. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị N và anh Q có 02 con chung tên Phạm Trần Huy B, sinh ngày 27-9-2017 và Phạm Trần Hữu T, sinh ngày 10-5-2019. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khẳng định, chị và anh Q không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Phạm Phú Q:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Q vẫn không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ghi ý kiến hay bản tự khai của anh Q.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được xác định: Anh Q có địa chỉ cư trú tại ấp BT, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quá trình chung sống với chị N vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên tháng 10 năm 2020 chị N đã dẫn theo hai con chung về sinh sống cùng gia đình cha mẹ ruột, các con đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng.

*Tại phiên tòa:* Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là không chấp hành quy định theo các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N đối với anh Q. Về quan hệ hôn nhân chị N được ly hôn với anh Q; Về con chung, giao cháu Phạm Trần Huy B và Phạm Trần Hữu T cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên, anh Q

không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu; Về quan hệ tài sản, chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Tại đơn khởi kiện, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Q, được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; Anh Q có địa chỉ cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Đỗ Kim N và anh Phạm Phú Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 08-5-2017. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống chị N và anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh Q không chăm lo cho cuộc sống gia đình, chỉ biết ăn chơi không đi làm thậm chí nghiện trò chơi điện tử (Game) dẫn đến nợ tiền nhiều người. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải và cố gắng bỏ qua cho nhau những mâu thuẫn nhưng không thành, trái lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, khắc phục nên tháng 10 năm 2020 chị N đã dẫn theo hai con chung về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan hệ gì với nhau về mọi mặt. Nay, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung giữa chị N và anh Q, ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án thể hiện: Chị N và anh Q là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2017 tại ấp BT, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhưng hiện nay chị N và anh Q không còn chung sống với nhau do mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, chị N đã dẫn theo hai con chung về sinh sống cùng gia đình cha mẹ ruột, các con đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh Q biết rõ Tòa án đang giải quyết yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con mà anh được xác định là bị đơn nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bản thân anh Q không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy chị N và anh Q đã thực sự không còn tình cảm với nhau, không chung sống cùng nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh Q có 02 con chung là Phạm Trần Huy B và Phạm Trần Hữu T. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ thời gian vợ chồng sống ly thân, các con sống ổn định cùng chị N và được nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Mặt khác, chị N hiện là giáo viên mầm non, có thu nhập ổn định trung bình mỗi tháng 5.000.000đ; anh Q không có nghề nghiệp, thu nhập và cũng không có yêu cầu về tranh chấp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N. Giao 02 con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Theo trình bày của chị N, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, do anh Q vắng mặt trong quá trình tố tụng và không có yêu cầu gì nên đối với quan hệ này sẽ được giải quyết khi đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Đỗ Kim N ly hôn anh Phạm Phú Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Trần Huy B, sinh ngày 27-9-2017 và Phạm Trần Hữu T, sinh ngày 10-5-2019 cho chị Trần Đỗ Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi);

2.2. Anh Phạm Phú Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Đỗ Kim N không có yêu cầu.

*Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Vì quyền lợi của con chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.*

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Đỗ Kim N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0008829, ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự khởi kiện có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- UBND xã B, huyện X;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký và đóng dấu)

**Lê Bá Khuyến**